

NGHỊ QUYẾT
Về biên chế công chức, số lượng viên chức năm 2013

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOÁ VIII - KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về việc quản lý biên chế công chức; Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 24/5/2013 của UBND tỉnh về đề nghị thông qua Phương án biên chế công chức, số lượng viên chức năm 2013; Báo cáo Thẩm tra số 33/BC-HĐND ngày 04/7/2013 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành, thông qua Nghị quyết biên chế công chức, số lượng viên chức tỉnh Đắk Lắk năm 2013 như sau:

1. Biên chế công chức: **3.369** biên chế;

2. Số lượng viên chức: **42.087** người.

Tổng số biên chế công chức và số lượng viên chức năm 2013 không tăng so với năm 2012.

(Kèm theo bảng tổng hợp biên chế công chức, số lượng viên chức năm 2013).

3. Về kinh phí:

Bổ sung tăng kinh phí cho sự nghiệp giáo dục 04 tháng cuối năm 2013 là 2,7 tỷ (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng).

4. Về hợp đồng lao động nhân viên nấu ăn bậc mầm non và nhân viên bảo vệ theo Nghị định số 68/2000/ND-CP cho các cơ sở giáo dục phổ thông:

- Đối với việc hợp đồng nhân viên nấu ăn bậc mầm non: Giao chỉ tiêu hợp đồng nhân viên nấu ăn cho trẻ thuộc đối tượng được chi hỗ trợ ăn trưa ở các trường mầm non thuộc vùng khó khăn, có số lượng trẻ là người dân tộc thiểu số chiếm đa số.

- Đối với nhân viên bảo vệ: Tăng thêm nhân viên bảo vệ cho trường có từ 03 điểm lẻ trở lên, mỗi điểm lẻ có từ 03 lớp trở lên đối với bậc mầm non và từ 04 lớp trở lên đối với bậc tiểu học có cơ sở vật chất được xây dựng kiên cố. Cứ mỗi điểm lẻ tăng thêm 01 nhân viên nhưng không quá 03 nhân viên/trường

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho UBND tỉnh triển khai thực hiện và báo cáo kết quả tại các kỳ họp HĐND tỉnh.

Giao cho Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá VIII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2013./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMT TQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Nội vụ;
- Công báo tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Ct.HĐND.

CHỦ TỊCH



Niê Thuật

**BẢNG TỔNG HỢP
BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC NĂM 2013**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2013 của HĐND tỉnh)

(Đơn vị tính: biên chế)

Số TT	Đối tượng phân bổ	Biên chế công chức, số lượng viên chức giao năm 2012	Biên chế giao theo Nghị quyết số 64/NQ - HĐND năm 2012	Kế hoạch biên chế công chức, số lượng viên chức năm 2013
		<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	TỔNG SỐ (A+B)	44.086	45.456	45.456
A	BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC	3.369	3.369	3.369
<i>1</i>	<i>Biên chế giao</i>	<i>3.324</i>	<i>3.324</i>	<i>3.324</i>
	Các Sở, ban, ngành	1.608	1.608	1.608
	UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.610	1.610	1.610
	Đội công tác PDQCCT của tỉnh	18	18	18
	Đội công tác PDQCCT ở cơ sở	88	88	88
<i>2</i>	<i>Biên chế dự phòng</i>	<i>45</i>	<i>45</i>	<i>45</i>
B	SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC	40.717	42.087	42.087
<i>1</i>	<i>Sự nghiệp giáo dục</i>	<i>33.314</i>	<i>34.145</i>	<i>34.221</i>
	Các Sở, ban, ngành	5.778	5.929	5.786
	UBND các huyện, thị xã, thành phố	27.536	28.216	28.435
<i>2</i>	<i>Sự nghiệp y tế</i>	<i>5.393</i>	<i>5.753</i>	<i>5.393</i>
	Sự nghiệp y tế cấp tỉnh, huyện	3.739	4.079	3.739
	Sự nghiệp y tế xã, phường, thị trấn	1.654	1.674	1.654
<i>3</i>	<i>Sự nghiệp VH-TT và sự nghiệp khác</i>	<i>2.010</i>	<i>2.189</i>	<i>2.189</i>
	Các Sở, ban, ngành	1.062	1.060	1.069
	UBND các huyện, thị xã, thành phố	948	1.129	1.120
<i>4</i>	<i>Số lượng viên chức dự phòng</i>			<i>284</i>
C	HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ	2.235	2.340	2.425